

Bản án số: 319/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thùy

2. Bà Phạm Thị Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 721/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: A B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Trường H1**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 8 P, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H kết hôn với ông Lê Trường H1 tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số I/2010 ngày 04/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với nhau tại 8 P, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau thời gian chung sống, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã

ly thân từ năm 2023 đến nay. Do không còn tình cảm với ông H1, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Trường H1

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H khai hai bên có 02 (hai) con chung là cháu Lê Trường Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Lê Trường D, sinh ngày 03/6/2014. Bà H yêu cầu sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, về mức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trường H1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập làm bản tự khai, trình bày ý kiến; thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H có mặt và có ý kiến trình bày giữ nguyên nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trường H1; Về con chung: bà H khai hai bên có 02 (hai) con chung là cháu Lê Trường Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Lê Trường D, sinh ngày 03/6/2014. Bà H yêu cầu sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, về mức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trường H1 không có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Trường H1 do ông H1 cư trú tại

quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H có mặt; bị đơn ông Lê Trường H1 dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Trường H1, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số I/2020 do Ủy ban nhân dân Phường B cấp ngày 04/6/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Lê Trường H1 là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Trường H1. Bà H khai hai bên có 02 (hai) con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ để triệu tập bị đơn ông Lê Trường H1 trình bày ý kiến và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không mong muốn hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống, duy trì tình nghĩa vợ chồng với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H khai có 02 (hai) con chung là cháu Lê Trường Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Lê Trường D, sinh ngày 03/6/2014. Bà H yêu cầu sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, về mức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ theo Giấy khai sinh số 151/2011, quyển số 01/2011 và Giấy khai sinh số 151/2014, quyển số 01/2014 thì cháu Lê Trường Q, sinh ngày 12/02/2010

và cháu Lê Trường D, sinh ngày 03/6/2014 là con chung của ông Lê Trường H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết H. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày bà yêu cầu sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Trường Q và cháu Lê Trường D, hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng. Tại bản tự khai, cháu Q và cháu D đều trình bày hiện tại hai cháu đang sinh sống với mẹ và mong muốn được tiếp tục sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Tuyết H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ để triệu tập bị đơn ông Lê Trường H1 trình bày ý kiến và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không có ý kiến với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Lê Trường Q và cháu Lê Trường D và yêu cầu tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào cĐiều 8; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn ông Lê Trường H1.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Lê Trường Q, sinh ngày 12/02/2010 và cháu Lê Trường D, sinh ngày 03/6/2014. Về mức cấp dưỡng bà H khai do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Lê Trường H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Tuyết H chịu, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002436 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND Phường B, quận T, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc